|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK  **Trường THPT Ngô Gia Tự** | **KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI**  Môn: ĐỊA LÝ 11 – Lần thứ nhất  Thời gian làm bài: 180 phút (*không kể thời gian phát đề*)  *Năm học: 2019 – 2020* |

**Câu 1: (4 điểm)**

a.Trình bày và giải thích sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của hai nhóm nước phát triển và đang phát triển.

b. Dựa vào bảng số liệu sau đây hãy nhận xét về chỉ số HDI của thế giới và các nhóm nước.

**Chỉ số HDI của thế giới và các nhóm nước:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2002** | **2003** |
| Phát triển | 0,814 | 0,831 | 0,855 |
| Đang phát triển | 0,654 | 0,663 | 0,694 |
| Thế giới | 0,722 | 0,729 | 0,741 |

**Câu 2: (4 điểm)**

a. Vấn đề dân số ở nhóm nước phát triển và đang phát triển hiện nay là gì? Phân tích hậu quả của sự gia tăng dân số quá nhanh.

b. Vì sao nói vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay? Biểu hiện của biến đổi khí hậu toàn cầu đến Việt Nam như thế nào?

**Câu 3: (4 điểm)**

a. Phân tích những thuận lợi và khó khăn về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Hoa Kì.

b. Nhận xét và giải thích về sự thay đổi không gian sản xuất công nhiệp của Hoa Kì.

**Câu 4: (4 điểm)** Dựa vào At Lát Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

a. Phân tích những thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên đối với việc phát triển ngành thủy sản của nước ta. Vì sao cần tăng cường đánh bắt xa bờ.

b. Cơ sở thuận lợi để phát triển ngành chăn nuôi của nước ta là gì? Đàn Trâu và đàn Bò phân bố chủ yếu ở những vùng nào, vì sao?

**Câu 5: (4 điểm)** cho bảng số liệu: **Sự biến động dân số của Nhật Bản**

*Đơn vị: triệu người*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số dân** | **Chia ra** | | |
| *0 - 14 tuổi* | *15 - 64 tuổi* | *≥65 tuổi* |
| 1950 | 83 | 29,4 | 49,5 | 4,1 |
| 1970 | 104 | 24,8 | 71,8 | 7,4 |
| 2005 | 127,7 | 17,8 | 85,4 | 24,5 |
| 2014 | 127,1 | 16,3 | 78,2 | 32,6 |

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động tổng dân số và cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Nhật Bản thời kì 1950 – 2014.

b. Rút ra nhận xét thích hợp.

……………………………………HẾT……………………………………

*Thí sinh được sử dụng At Lát Địa lí Việt Nam và Tập bản đồ Thế Giới và các châu lục*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK  **Trường THPT Ngô Gia Tự** | **KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI**  Môn: ĐỊA LÝ 11 – Lần thứ nhất  *Năm học: 2019 – 2020* |

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **4 điểm** | **a. Trình bày sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của hai nhóm nước phát triển và đang phát triển.**  **- Về kinh tế:**  + GDP/người: nhóm nước phát triển cao (>8000usd), nhóm nước đang phát triển thấp.  + Cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế: nhóm nước phát triển KVI rất thấp,KVIII rất cao; nhóm nước đang phát triển KVI còn cao, KVIII còn thấp.  + Đầu tư nước ngoài: nhóm nước phát triển chủ yếu đầu tư ra nước ngoài; nhóm nước đang phát triển chủ yếu nhận đầu tư nước nước ngoài.  + Nợ nước ngoài: nhóm nước phát triển cho vay nợ; nhóm nước đang phát triển chủ yếu đi vay nợ nước ngoài.  + XNK: nhóm nước phát triển có giá trị XNK cao, hàng XK chủ yếu đã qua chế biến; nhóm nước đang phát triển có giá trị XNK thấp, hàng XK chủ yếu ở dạng thô.  **- Về xã hội:**  + Tuổi thọ trung bình: nhóm nước phát triển cao (76 tuổi); nhóm nước đang phát triển thấp (65 tuổi)  + chỉ số HDI: nhóm nước phát triển cao; nhóm nước đang phát triển thấp  **\* Giải thích**  ***-***  *GDP/người: nhóm* nước phát triển cao vì có nền kinh tế phát triển, quy mô nền kinh tế lớn, số dân tăng chậm; nhóm nước đang phát triển thấp vì có nền kinh tế chậm phát triển, quy mô nền kinh tế nhỏ, số dân tăng nhanh.  ***-*** *Cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế:* nhóm nước đang phát triển KVI còn cao, KVIII còn thấp vì trình độ lao động thấp,dân cư đông nên cần đảm bảo nguồn lương thực. Nhóm nước phát triển thì ngược lại.  *- Đầu tư nước ngoài và nợ nước ngoài:* nhóm nước phát triển có tiềm lực lớn về vốn, công nghệ và đầu tư ra nước ngoài để tận dụng điều kiện ở các nước đang phát triển. Nhóm nước đang phát triển nợ nước ngoài nhiều vì thiếu vốn, công nghệ để mở rộng sản xuất, thiếu lương thực.  *- XNK:* nước phát triển có quy mô nền kinh tế lớn,nhu cầu về nguyên nhiên liệu lớn nên trao đổi hàng hóa với nhiều nước, là những nước có trình độ sx cao nên sp làm ra chủ yếu đã qua chế biến. Nước đang phát triển có quy mô nền kinh tế nhỏ, nhu cầu buôn bán ít nên giá trị XNK thấp, trình độ SX thấp nên hàng hóa chủ yếu ở dạng thô.  ­*- Tuổi thọ trung bình*: Nước phát triển cao vì có điều kiện đểnâng cao sức khỏe: ăn uống, y tế…chăm sóc tốt sức khỏe bà mẹ,trẻ em. Nhóm nước đang phát triển thì ngược lại.  *- Chỉ số HDI:* Nước phát triển cao vì có điều kiện tốt để chăm sóc sức khỏe,GD, nâng cao tuổi thọ, GDP/ng, còn các nước đang phát triển ít có điều kiện hơn.  **b. Nhận xét về chỉ số HDI của thế giới và các nhóm nước**  - HDI của thế giới và các nhóm nước tăng liên tục  - Chỉ số HDI của nước phát triển cao hơn các nước đang phát triển và thế giới.  - Chỉ số HDI của nước đang phát triển thấp hơn mức trung bình của thế giới.  - Nhóm nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng chỉ số HDI cao hơn nhóm nước phát triển và thế giới; nhóm nước phát triển có tốc độ tăng trưởng chỉ số HDI cao hơn thế giới. | **1.5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  **1.5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  **1.0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 2**  **4 điểm** | **a. Vấn đề dân số ở nhóm nước phát triển và đang phát triển**  **- Các nước phát triển:**  + Cơ cấu dân số già  + Chỉ chiếm khoảng 20% dân số thế giới  + Thiếu nguồn lao động, chi phí phúc lợi cho người già tăng cao  + Nhiều nước có dân số đang giảm dần  **- Các nước đang phát triển:**  + Dân số tăng nhanh, gây nên bùng nổ dân  + Chiếm 80%dân số thế giới và 95% dân số tăng hàng năm của thế giới.  + Tỉ lệ gia tăng tự nhiên đang giảm nhưng còn chậm  + Cơ cấu ds chủ yếu là trẻ.  **\* Hậu quả của sự gia tăng dân số quá nhanh.**  - Về kinh tế: tốc độ tăng dân số không cân đối với tăng trưởng kinh tế nên nền kinh tế khó phát triển.  - Về xã hội: thừa lao động dẫn đến thất nghiệp, thiếu việc làm; giáo dục,y tế khó phát triển, thu nhập bình quân theo đầu người và chất lượng cuộc sống thấp.  - Về môi trường: tài nguyên bị cạn kiệt do khai thác quá mức, môi trường bị ô nhiễm, không đảm bảo cho sự phát triển bền vững.  **b. Biến đổi khí hậu toàn cầu là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay, vì**  - Sự thay đổi khí hậu diễn ra với tốc độ nhanh; Lượng khí co2, CH4 và các khí khác thải ra môi trường ngày ngày càng nhiều gây ra hậu quả nghiêm trọng đến môi trường.  - Băng 2 cực tan chảy làm nước biển dâng gây ngập lụt nhiều nơi; Diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, đe dọa thiếu lương thực  - Thiên tai ngày càng nhiều, diễn biến thất thường không theo quy luật, gây thiệt hải lớn đến tính mạng và tài sản của người dân; Tia cực tím ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và sự sống cuả sinh vật  - Môi trường sống bị suy thoái nghiêm trọng; Mưa a xít ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống con người  **\* Biểu hiện của biến đổi khí hậu toàn cầu đến Việt Nam**  - số cơn bão ngày càng nhiều, quy luật của bão có sự thay đổi, cường độ bão ngày càng mạnh.  - tình trạng sạt lở bờ biển diễn ra ở nhiều nơi ven biển, nhất là vùng DHMT và ĐBSCL, xâm nhập mặn ngày càng sâu vào đất liền  - diện tích các đồng bằng ven biển có nguy cơ bị thu hẹp, đất đai bị suy thoái…  - tình trạng hạn hán, lũ lụt ngày càng nặng nề và nghiêm trọng hơn, nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan xuất hiện ( băng giá, mưa đá…) ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống con người | **2,0**  0,5  0,5  **1,0**  0,25  0,5  0,25  **1.0**  0,25  0,25  0,25  0,25  **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| Câu 3  **4điểm** | **a. Những thuận lợi và khó khăn về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Hoa Kì**  ***\* Thuận lợi***  - Tài nguyên thiên nhiên giàu có là điều kiện phát triển kinh tế đa ngành,có nhiều khoáng sản, thủy năng dồi dào thuận lợi phát triển công nghiệp.  - Khí hậu chủ yếu là ôn đới nhưng có sự phân hóa theo chiều Bắc Nam, Đông Tây thuận lợi để đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.  - Đất đai màu mở, đặc biệt là cácđồng bằng duyên hải và đồngbằng trung tâm có đất phù sa thuận lợi để phát triển nông nghiệp.  - Sông,hồ: có nhiều sông lớn,có hệ thống ngũ hồ thuận lợi để cung cấp nước tưới và phát triển giao thông đường sông  - Vùng biển rộng lớn thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển.  - Có nhiều đồng cỏ để phát triển chăn nuôi; Cảnh quan đa dạng phát triển du lịch  ***\*Khó khăn:*** thiên tai, lũ lụt, mưa đá, bão tuyết. bán Alatca có khí hậu lạnh giá; miền phía tây khí hậu khô hạn, giao thông khó khăn, thường có sạt lở đất ở trung Tâm.  **b. Nhận xét và giải thích về sự thay đổi không gian sản xuất công nhiệp của Hoa Kì.**  **\* Nhận xét:**  - Trước đây, SX công nghiệp Hoa Kì tập trung chủ yếu ở vùng ĐB, với các ngành công nghiệp truyền thống: luyện kim, chế tạo ô tô,đóng tàu, dệt…  - Hiện nay, SX công nghiệp mở rộng xuống phía Nam và ven TBD hình thành vành đai công nghiệp mới “Vành đai công nghiệp Mặt Trời” với các ngành công nghiệp hiện đại như; hóa dầu, hàng không vũ trũ, công nghệ thông tin, điện tử viễn thông.  **\* Giải thích:**  - Do tác động của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật và toàn cầu hóa tạo ra sự thay đổi trong cơ cấu ngành công nghiệp. Các ngành công nghiệp có hàm lượng kĩ thuật cao, sử dụng nguồn năng lượng mới,vật liệu mới được chú trọng phát triển.  - Nền công nghiệp đang bị sự cạnh tranh bởi các nước phát triển và các nước công nghiệp mới nên Hoa Kì cần phải thay đổi trong chiến lược sản xuất và phân bố công nghiệp.  -Vùng công nghiệp ĐB đã phát triển lâu đời với các ngành CN truyền thống, cở sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng đã lạc hậu nên chất lượng sản phẩm không cao sức cạnh tranh hạn chế, môi trường ô nhiệm,tài nguyên cạn kiệt.  - Khu vực phía Nam và ven TBD có nhiều lợi thế:  + Cơ sở hạ tầng kĩ thuật được xây dựng hiện đại; Quan tâm tới việc khai thác môi trường ven TBD  + Gần Mĩ la Tinh, nơi cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào và thị trường rộng lớn  + Giá nhân công rẻ hơn so với vùng ĐB; Khí hậu ấm áp | **2,0**  **1.5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  **2,0**  **0,5**  0,25  0,25  **1,5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| Câu 4  **4 điểm** | **a. Phân tích những thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên đối với việc phát triển ngành thủy sản của nước ta.**  **\* Thuận lợi**  - Có đường bờ biển dài, có 4 ngư trường lớn: Hải Phòng-Quảng Ninh, quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa, Ninh Thuận-Bình Thuận-Bà Rịa-Vũng Tàu, Cà Mau-Kiên Giang.  - Nguồn lợi hải sản rất phong phú, trữ lượng 3,9- 4 triệu tấn; có 2000 loài cá,100 loài tôm, hàng chục loài mực, 600 loài rong biển, nhiều loại có giá rị kinh tế cao như bào ngư,sò huyết, đồi mồi các rạn san hô ven các đảo…  - Dọc bờ biển có nhiều vũng, vịnh, đầm phá, các cánh rừng ngập mặn có khả năng nuôi trồng hải sản nước mặn và nước lở.  - Nước ta có nhiều sông, suối, kênh rạch…có thể nuôi thả cá, tôm nước ngọt.  **\*Khó khăn:**  -Thiên tai, bão, gió mùa Đông Bắc thường xuyên xảy ra.  -Môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thuỷ sản bị suy giảm.  **\* Tăng cường đánh bắt xa bờ là vì:**  - Tăng sản lượng thủy hải sản, do nguồn lợi thủy hải sản ven bờ đang giảm dần.  - Góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo và thềm lục địa của nước ta, đồng thời bảo vệ sử toàn vẹn lãnh thổ.  **b. Thuận lợi để phát triển ngành chăn nuôi của nước ta**  + Nước ta có nguồn thức ăn dồi dào để phát triển chăn nuôi  - Đồng cỏ tự nhiên: diện tích đồng cỏ lớn,tập trung chủ yếu ở TDMNBB, TN, BT. năng suất các đồng cỏ ngày càng được nâng cao  - Sản phẩm của ngành trồng trọt và phụ phẩm của ngành thủy sản: đây là nguồn thức ăn chủ yếu cho chăn nuôi. Nhờ giải quyết tốt lương thực cho con người nên một phần lương thực đã dành cho chăn nuôi. Hàng năm có khoảng 13 -14 nghìn tấn bột cá làm thức ăn cho chăn nuôi.  - Công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ngày càng phát triển  + Giống gia súc gia cầm ngày càng có nhiều tiến bộ  + Cở sở vật chất – kĩ thuật phục vụ cho chăn nuôi ngày càng phát triển ( hệ thống chuồng trại, dịch vụ thú y, dịch vụ giống…)  + Thị trường được mở rộng cả trong và ngoài nước; Người dân có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi.  **\* Đàn Trâu và đàn Bò phân bố chủ yếu ở những vùng nào, vì sao?**  - Trâu được nuôi chủ yếu ở TDMNBB và Bắc Trung Bộ, riêng TDMNBB chiếm ½ đàn Trâu cả nước. Vì đây là vùng có nhiều đồng cỏ, khí hậu có một mùa đông lạnh nên thích hợp với đặc điểm sinh thái của đàn Trâu.  - Bò: được nuôi chủ yếu ở Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và duyên Hải Nam Trung. Vì đây là vùng có nhiều đồng cỏ, khí hậu khô nóng nên thích hợp với đặc điểm sinh thái của đàn Bò. | **2,0**  **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25  **0,5**  **0,5**  0,25  0,25  **1,5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  **0,5**  0,25  0,25 |
| **Câu 5**  **4 điểm** | **a. Vẽ biểu đồ:**  **- Xử lí số liệu**  **Cơ cấu dân số của Nhật Bản**  *Đơn vị: %*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Tổng số dân** | **Chia ra** | | | | *0 - 14 tuổi* | *15 - 64 tuổi* | *≥65 tuổi* | | 1950 | 100 | 35,4 | 59,6 | 5,0 | | 1970 | 100 | 23,8 | 69,0 | 7,1 | | 2005 | 100 | 13,9 | 66,9 | 19,2 | | 2014 | 100 | 12,8 | 61,5 | 25,7 |   - Vẽ biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ kết hợp: *cột chồng* (các cột cao bằng nhau (100%), thể hiện cơ cấu dân số theo tuổi) *và đường* (thể hiện tổng số dân).  - Yêu cầu:  + Vẽ chính xác,khoảng cách năm phù hợp, đầy đủ các yếu tố, thẩm mỹ.  + Mỗi trường hợp sai sót trừ 0,25 điểm  + Các dạng biểu đồ khác không cho điểm.  **b. Nhận xét**:  - Về tổng số dân:  + Gđ 1950-2014 dân số Nhật tăng 44,1 triệu người  + Dân số tăng không đều: 1950-1970 tăng nhanh; 1970 -2005 tăng chậm lại; 2005 – 2014 dân số đang giảm (0,6 triệu người)  - Về cơ cấu:  + 1950 Nhật có cơ cấu dân số trẻ  + 1970 -2005 Nhật có “cơ cấu dân số vàng”  + 2005-2014 dân số Nhật già hóa nhanh chóng,năm 2014 tỉ lệ người từ 0-14 tuổi chỉ còn 12,8% trong khi tỉ lệ người *≥65* tuổi chiếm tới 25,7% DS | **2,5**  0,5  2,0  **1,5**  0,25  0,5  0,25  0,25  0,25 |